



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34 /2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2025

THÔNG TƯ

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG		
ĐẾN	Số: 4634	Ngày: 13/06/2025
Chuyển:		
Số và ký hiệu HS:		
ĐƠN VỊ	CHỦ TRƯỞNG	THAM GIA
CT N.V.Tùng		X
PCT TT L.A.Quân	X	
PCT N.Đ.Thọ		
PCT H.M.Cường		
CVP T.H.Kiên		X
PCVP T.V.Thiện	X	
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
P. XDGTCT		
P. VX		
P. NNTNMT		
P. TCNS		X
P. NC&KTGS		
P. TH		
P. KSTTHC		
BAN TCD		
P. HCQT		
CTTĐT		
TTHN & NKTP		

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (sau đây viết tắt là Nghị định số 178/2024/NĐ-CP) và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (sau đây viết tắt là Nghị định số 67/2025/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị có đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp các cơ quan, đơn vị có nguồn kinh phí hoạt động theo các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác của cấp có thẩm quyền: Nguồn kinh phí thực hiện chính sách; việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác của cấp có thẩm quyền. Riêng đối với năm 2025, trong thời gian chờ cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí, điều chỉnh dự toán; các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng nguồn dự toán được giao để kịp thời chi trả chế độ, chính sách cho đối tượng.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 2 như sau:

“a) Kinh phí bảo lưu mức lương chức vụ cũ hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ đến hết nhiệm kỳ bầu cử hoặc hết thời hạn bổ nhiệm đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bầu cử, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có phụ cấp chức vụ thấp hơn do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP;”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí để thực hiện các chính sách, chế độ còn lại (ngoài các chính sách, chế độ tại khoản 1 Điều này) tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 15 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 12, khoản 13, khoản 15 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP như sau:

a) Đối với đối tượng cán bộ, công chức, người lao động, lực lượng vũ trang thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây viết tắt là các bộ, cơ quan trung ương); người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương chịu tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy: Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách do ngân sách trung ương đảm bảo;

b) Đối với đối tượng cán bộ, công chức; cán bộ công chức cấp xã và người lao động thuộc, trực thuộc các đơn vị do địa phương quản lý; người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp huyện chịu tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy: Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách được tổng hợp vào nhu cầu cải cách tiền lương của địa phương.”

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1); đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2) theo quy định của Chính phủ: Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP;”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với đơn vị sự nghiệp công lập tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này như sau:

a) Đơn vị sử dụng dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên được giao hàng năm để chi trả các chế độ quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này;

b) Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí để thực hiện các chính sách, chế độ còn lại (ngoài các chính sách, chế độ tại điểm a khoản này) tại Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 12, Điều 15 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 10, khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP như sau:

- Đối với viên chức và người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan trung ương thì ngân sách trung ương đảm bảo (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên do Nhà nước đặt hàng thông qua giá dịch vụ nhưng giá dịch vụ chưa tính đủ các yếu tố cấu thành để giải quyết chính sách, chế độ);

- Đối với viên chức và người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý: Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách được tổng hợp vào nhu cầu cải cách tiền lương của địa phương (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên do Nhà nước đặt hàng thông qua giá dịch vụ nhưng giá dịch vụ chưa tính đủ các yếu tố cấu thành để giải quyết chính sách, chế độ).”

4. Bổ sung khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều 3 như sau:

“6. Trường hợp đơn vị nhóm 1, nhóm 2 không đủ nguồn kinh phí để giải quyết chính sách, chế độ thì được sử dụng các quỹ được trích theo quy định của đơn vị sự nghiệp công lập (theo thứ tự: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ

bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi) và nguồn kinh phí cải cách tiền lương của đơn vị còn dư được trích lập từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp và nguồn thu hợp pháp khác (bao gồm cả nguồn thu phí được trích để lại theo quy định) để giải quyết chính sách, chế độ.

7. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập hợp nhất, sáp nhập thì đề nghị đơn vị mới sau khi hợp nhất, sáp nhập xây dựng phương án tự chủ về tài chính để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt lại phương án tự chủ tài chính theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đối với các đơn vị hợp nhất, sáp nhập có đơn vị trước đây đã được cấp có thẩm quyền phân loại là đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3) hoặc đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4): Trong thời gian chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ tài chính theo quy định, trường hợp phát sinh nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách, chế độ sau khi sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định vẫn không đủ nguồn kinh phí để giải quyết chính sách, chế độ thì đơn vị báo cáo nhu cầu và nguồn kinh phí còn thiếu để ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí giải quyết chính sách, chế độ trong phạm vi số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao. Trường hợp đơn vị sau khi được cấp có thẩm quyền phân loại là đơn vị nhóm 1 hoặc nhóm 2 thì đơn vị nộp trả ngân sách nhà nước phần kinh phí đã bổ sung để thực hiện chế độ, chính sách.

8. Trường hợp, sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị sự nghiệp công lập thay đổi cơ quan quản lý cấp trên nhưng không thay đổi tên gọi và chức năng nhiệm vụ thì tiếp tục thực hiện theo phương án tự chủ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho đến hết giai đoạn tự chủ tài chính theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Trường hợp các cơ quan, đơn vị có nguồn kinh phí hoạt động theo các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác của cấp có thẩm quyền nhưng sáp nhập vào đơn vị sự nghiệp công thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí giải quyết chính sách, chế độ trong phạm vi số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao trước khi sáp nhập, hợp nhất và số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao (đối với đơn vị nhóm 3, nhóm 4 được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên)."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan trung ương do ngân sách trung ương đảm bảo: Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp, gửi Bộ Tài chính để chuyển kinh phí vào quỹ bảo hiểm xã hội theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và người lao động thuộc, trực thuộc các đơn vị do địa phương quản lý:

Kinh phí thực hiện được tổng hợp vào nhu cầu cải cách tiền lương của địa phương. Cơ quan bảo hiểm xã hội tổng hợp, gửi cơ quan tài chính để chuyển kinh phí vào quỹ bảo hiểm xã hội theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.”;

6. Bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương chịu trách nhiệm toàn diện về việc đề xuất, xác định đối tượng và lập dự toán, quản lý, sử dụng số kinh phí được giao để chi trả đảm bảo đúng đối tượng, chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực và khiếu kiện.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 06 năm 2025.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./y

Nơi nhận:

- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các KBNN khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTN (252 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khăng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

SAO Y

Số: 65 / SY-VP

Hải Phòng, ngày 16 tháng 6 năm 2025

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND TP;
- Ban TC TU;
- Các Sở: NV, TC;
- Các Sở, Ban, ngành TP;
- UBND các Q, H;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND TP;
- CVP, PCVP T. V. Thiện;
- Lưu VT, KSTTHC2;

**TL. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Văn Thiện

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG, LỰC LƯỢNG VŨ TRANG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ, CƠ QUAN KHÁC Ở TRUNG ƯƠNG NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI TỪ ĐỦ 05 NĂM THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...)

(Kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Mã số BHXH	Số Quyết định	Ngày Quyết định	Thời điểm hưởng	Thời điểm nghỉ hưu theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	Thời gian nghỉ hưu trước tuổi		Thời gian nghỉ hưu trước tuổi từ đủ 5 năm (tháng)	Mức lương đóng BHXH tháng hiện hưởng trước khi nghỉ hưu					Số tiền NSNN đảm bảo tương đương số tiền đóng BHXH vào quỹ hưu trí, tử tuất (đồng) <i>(Lương cơ sở/Mức tham chiếu được căn cứ tại tháng liền kề trước tháng hưởng lương hưu)</i>
				Nam	Nữ						Năm	Tháng		Hệ số lương (hoặc mức tiền)	Phụ cấp chức vụ	PC vượt khung	PC thâm niên nghề	HS bảo lưu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=12*12+13	15	16	17	18	19	20=22%*14*(15+16+17+18+19)*LCS
I. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động																			
...																			
Tổng I																			
II. Lực lượng vũ trang																			
...																			
Tổng II																			
Tổng I+II																			

Ghi chú: (1) Cột 15, Trường hợp tiền lương đóng BHXH bắt buộc bằng tiền thì ghi mức tiền lương bằng tiền và (2) tại cột 20 bằng cột 15*22%*cột 14.

(3) LCS: Là mức lương cơ sở/hoặc mức tham chiếu được căn cứ tại tháng liền kề trước tháng hưởng lương hưu.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI



TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC; CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG THUỘC, TRỰC THUỘC CÁC ĐƠN VỊ ĐO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI TỪ ĐỦ 05 NĂM THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...)

(Kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Mã số BHXH	Số Quyết định	Ngày Quyết định	Thời điểm hưởng	Thời điểm nghỉ hưu theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	Thời gian nghỉ hưu trước tuổi		Thời gian nghỉ hưu trước tuổi từ đủ 5 năm (tháng)	Mức lương đóng BHXH tháng hiện hưởng trước khi nghỉ hưu					Số tiền NSNN đảm bảo tương đương số tiền đóng BHXH vào quỹ hưu trí, tử tuất (đồng) (Lương cơ sở/Mức tham chiếu được căn cứ tại tháng liền kề trước tháng hưởng lương hưu)
				Nam	Nữ						Năm	Tháng		Hệ số lương (Hoặc	Phụ cấp chức vụ	PC vượt khung	PC thâm niên nghề	HS bảo lưu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=12*12+13	15	16	17	18	19	20=22%*14*(15+16+17+18+19)*LCS
I. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động																			
...																			
Tổng I																			
II. Cán bộ, công chức cấp xã																			
...																			
Tổng II																			
Tổng I+II																			

Ghi chú: (1) Cột 15. Trường hợp tiền lương đóng BHXH bắt buộc bằng tiền thì ghi mức tiền lương bằng tiền và (2) tại cột 20 bằng cột 15*22%*cột 14.

(3) LCS: Là mức lương cơ sở/hoặc mức tham chiếu được căn cứ tại tháng liền kề trước tháng hưởng lương hưu.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI